Tình Yêu Trong Nếp SốngVăn Hóa Việt

"Đêm nằm tàu chuối có đôi
Hơn nằm chiếu miếng lẻ loi một mình"

"Mình về, ta chẳng cho về
Ta nắm vạt áo ta đề câu thơ
Câu thơ ba chữ rành rành
Chữ Trung, Chữ Hiếu, chữ Tình là ba
Chữ Trung thì để phần cha
Chữ Hiếu phần mẹ, đôi ta chữ Tình"

Luyến ái quan của người nông dân Việt là tự do luyến ái, hướng đến xây dựng mái ấm gia đình, trên nền tảng của hôn nhân bình đẳng, gia đình phân công, với lòng chung thủy, phát sinh từ cung cách ứng xử trong cuộc sống chung sinh động của hai vợ chồng tạo nên, cùng nhau nương cậy để phòng nắng mưa, chứ không phải từ một khuôn mẫu (nguyên tắc) đạo đức khô cứng, thiếu tình người, không uyển chuyển theo thời gian, không gian và cuộc sống.

Trong nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước, hôn nhân là ứng dụng bài học từ thiên nhiên (Thiên Thư Vô Ngôn Của Trời Đất) vào đời sống, nên trong hôn nhân lắng nghe và hiểu biết (người bạn đời) là điều chủ yếu.

Trái lại ở Trung Quốc, người ta quan niệm hôn nhân là thủ đắc, chiếm hữu nên *không cần tôn trọng nhau*, thể hiện nhân sinh quan *chồng chúa vợ tôi* với lòng trung thành. Đó là dấu ấn của nền văn hóa gốc du mục.

Ở Tây phương người ta quan niệm Thượng Đế lấy xương sườn của đàn ông tạo nên người đàn bà. Đàn bà lại là nguyên nhân gây ra tội tổ tông. Theo học lý Femme Converte của Thông Luật thì *người vợ là vật sở hữu của chồng* không có quyền pháp lý đối với lợi tức do chính người vợ kiếm ra, cũng như đối với con cái. Cuối thế kỷ 19, mãi đến năm 1890, tại Mỹ nhiều tiểu bang vẫn còn áp dụng học lý nói trên.

Tình yêu nam nữ quyết định sự sống còn của loài người. trong thiên nhiên chỉ có một bản năng có cường độ tương đương với bản năng ăn uống, đó là bản năng tình dục.

Nhà sử học Will Durrat cho *rằng ở loài người nhu cầu tình dục chỉ kém nhu cầu ăn uống.* Theo Mạnh Tử*: "Ăn uống, quan hệ nam nữ là dục vọng lớn trong bản năng sinh tồn"*. Một nhà văn Pháp ví: *"con người không tình yêu cũng như trái đất không có mặt trời"*.

Các tác giả bộ Kinh Dịch cho rằng đạo âm dương, tình yêu nam nữ là nguồn gốc của vũ trụ, vạn vật, gia đình, đạo lý…; cho nên đầu kinh Thượng là hai quẻ Càn Khôn (trời đất, âm dương), kinh Hạ là hai quẻ Hàm Hằng; đại ý nói nam nữ cảm nhau rồi thành vợ chồng.

Thực ra không cần phải là học giả, nhà văn, nhà tâm lý học, triết gia…mới thấy được tầm quan trọng và sự cần thiết của tình yêu trai gái. Cô thôn nữ hiền lành, anh nông phu chất phát mộc mạc sống quanh lũy tre làng vẫn hiểu được tầm quan trọng của tình yêu. Tình yêu đến với họ, họ không cần biết tại sao, không tính toán, không tra cứu nguyên nhân, họ chấp nhận một cách hồn nhiên và trong sáng (1)

Nhớ ai ra ngẩn vào ngơ
Đêm quên giấc ngủ, ngày mơ tiếng cười.

Câu ca dao ngắn gọn, nhưng nói lên trọn vẹn khát vọng của yêu đương.

Sức mạnh yêu đương bắt nguồn từ con tim, bàng bạc vào luống rau, vườn cây, ao cá, trên đồng ruộng, tràn ngập trong những đêm trăng… Tất cả đâu đâu cũng có bóng dáng của tình yêu, khiến họ cảm thấy cô đơn nếu không tìm được đối tượng.

Qua cầu giở nón trông cầu
Cầu bao nhiêu nhịp dạ sầu bấy nhiêu.

Tình yêu của cô thôn nữ gắn liền với nhịp cầu. Nếu sống không có tình cảm hoặc tình cảm không gắn liền với đời sống thì cuộc sống còn có ý nghĩa gì; do đó, tình yêu đối với trai gái trở thành thiết yếu không thể không có; tình yêu là lẽ sống

Đêm nằm tàu chuối có đôi,
Hơn nằm chiếu miếng lẻ loi một mình.

Người bình dân chỉ cần một tàu chuối lót mình cũng đủ ấp ủ tình yêu, là thỏa lòng mong ước. Chiếu bông, giường ngủ sang trọng mà sống trong cảnh cô đơn hiu quạnh thì như trái đất không có mặt trời.

Tình yêu chớm nở trong lòng dường như tràn ngập lên mọi cảnh vật. Lúc nào họ cũng sẵn sàng tiếp nhận tình yêu, không những chỉ mở rộng cõi lòng để đón nhận tình yêu mà họ còn hy sinh đi tìm người yêu:

Đói lòng ăn nửa trái sim,
Uống lưng bát nước đi tìm người thương.

Cảnh vật là nơi chất chứa, sáng tạo cảm hứng yêu đương của con người. Người bình dân sống trong lũy tre xanh giữa thiên nhiên, họ gởi những ước ao ân ái qua cảnh vật cụ thể để mơ tìm những phút giây say sưa:

Ước gì anh hóa ra hoa,
Để em nâng lấy rồi mà cài khăn.
Ước gì anh hóa ra chăn,
Để cho em đắp, em lăn, em nằm.
Ước gì anh hóa ra gương,
Để cho em cứ ngày thường em soi.
Ước gì anh hóa ra cơi,
Để cho em đựng cau tươi, trầu vàng.

Tóm lại, có thể noí tình yêu trai gái như một năng lực sinh hóa, thiếu nó không còn có gia đình, dân tộc và nhân loại; và vũ trụ này có cũng như không. Nói cách khác, có tình yêu trai gái mới có vợ chồng; có vợ chồng mới có cha con, trên dưới, từ đó phát sinh ra tình nghĩa và đạo lý…

Phải chăng tình thương, lòng trắc ẩn, vị tha, bao dung, hài hòa...phát sinh từ tình yêu trai gái?

Gia đình là môi trường trưởng dưỡng tình thương một cách hồn nhiên trong sáng. Trong lòng qũy đạo của gia đình, tình yêu thương bồi đắp cho tổ chức cơ bản đó - tổ ấm của trai gái - thêm kiên cố để rồi từ đó mở rộng ra môi trường xã hội, dân tộc và nhân loại.

Hiện nay thì không còn nghi ngờ gì nữa, khoa học đã tìm được những chứng tích rõ ràng dân tộc Việt là chủ nhân của nền *văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước* ổn định lâu đời. Người dân sống trong nền văn hóa Hòa Bình đã thuần hóa cây lúa hoang trở thành cây lúa trồng trong ruộng nước để tăng năng xuất. Họ cũng thuần hóa được trâu rừng thành trâu nuôi trong nhà để giúp họ cày bừa ruộng nước.

Người Việt trồng cây có củ (khoai và các loại) cây ăn quả, trên dưới một vạn năm và đặt biệt từ 8,000 – 9,000 năm trước đây, đã trồng lúa nước (Oryzasativa), cây lương thực trọng yếu của loài người. Nền văn minh lúa nước vốn là nên văn minh Việt cổ và đã tạo nên một thế quân bình bền vững của nền văn hóa xóm làng, giữa con người và thiên nhiên Việt Nam trong khung cảnh Đông Nam Á từ ngàn xưa. Các học giả trên thế giới đều đồng thuận cách mạng *"nông nghiệp là khởi đầu của văn minh nhân loại"* trên lưu vực những dòng sông lớn của thế giới ngày xưa (2).

Với nếp sống nông nghiệp trồng lúa nước, qua lăng kính nhân bản, nhân chủ, lấy tình nghĩa làm đầu, tình yêu nam nữ phát sinh và nẩy nở một cách hồn nhiên trong sáng, làm gì có

quan niệm "nam nữ hữu biệt". Khi Nguyệt Nga của cụ Nguyễn Đình Chiểu vừa định bước ra khỏi kiệu thì Vân Tiên đã vội vàng nói:

Khoan khoan ngồi đó chớ ra,
Nàng là phận gái, ta là phận trai.

Điều đó cho thấy đầu óc của chàng trai Việt, Vân Tiên, đã bị Hán hóa qua kinh sách Tống Nho nói riêng, Khổng Mạnh nói chung. Quan niệm *"nam nữ thụ thụ bất thân"* của Nho gia chỉ có ảnh hưởng sâu đậm vào lớp người học chữ Hán và một số ít học đòi theo lớp người xem trọng tư tưởng Khổng Mạnh (quan lại, phú thương, trưởng giả, Nho sĩ…) mà không ảnh hưởng đến lớp người bình dân, sống trong lòng dân tộc (trong xã thôn tự trị).

Người nông dân Việt đâu phải sống trong cảnh cổng kín tường cao; cô gái Việt đâu phải sống trong thâm khuê đài các như nàng Kiều, nàng Nguyệt Nga. Nàng Kiều (của danh nho Nguyễn Du), nàng Nguyệt Nga (của cụ Đồ Chiểu) điển hình cho những cô tiểu thư nho phong theo kiểu Tàu sống trong nhung lụa, suốt đời đi đâu cũng có tỳ nữ theo hầu.

Dù bị tộc Hán đô hộ, với chính sách đồng hóa vô cùng thâm độc trên một ngàn năm và trên 11 thế kỷ giao lưu văn hóa giữa Việt và Tàu mà đa số các nhà lãnh đạo (vua - quan) cũng như giới sĩ phu chịu ảnh hưởng sâu đậm văn hóa Trung Quốc, nhưng tư tưởng Khổng Mạnh cũng không ảnh hưởng được tâm tư tình cảm của chín mươi lăm phần trăm (95%) nông dân Việt sống trong xã thôn tự trị (phép vua thua lệ làng) với lũy tre xanh. Đó là một chiến lũy kiên cố về quân sự và văn hóa, xây dựng bằng tình người và sự hiểu biết. Người nông dân Việt xem tư tưởng ngoại nhập như là *"có rế thì đỡ nóng tay, có giày có dép thì đỡ nóng chân"*. Điều đó cho thấy nền minh triết Việt đã đạt đến điểm cao trong sự vận dụng các yếu tính đặc thù của văn hóa Việt trong giao lưu văn hóa, để Việt hóa những tư tưởng ngoại sinh ngõ hầu phát triển đời sống vật chất và tâm linh.

Ở nông thôn, trai gái chung sức, chung lòng làm việc trên đồng ruộng, kẻ cầy, người bừa, kẻ nhổ cỏ, người bón phân, tát nước. Gái trai hò hát, đối đáp phô diễn tình cảm hồn nhiên, trao đổi tâm tư trong sinh hoạt hằng ngày một cách tự nhiên.

Trai:

Trăng lên có chiếc sao chầu,
Hỏi thăm đào liễu ăn trầu ai chưa?

Gái:

Mận hỏi thì đào xin thưa,
Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào!

Gái:

Thân em như hoa gạo trên cây
Chúng anh như đám cỏ may bên đường.

Trai:

Lạy trời cho cả gió sương
Cho hoa gạo rụng chui luồn cỏ may.

Hàng ngày, trai gái thường gặp nhau ở đầu làng, cuối thôn, ngoài đồng ruộng, lúc giã gạo, trên chuyến đò ngang, trong lễ hội…; hát giao duyên, hát trống quân, hát phường vải, hát quan họ. Họ tự do chuyện trò, hò hát trêu ghẹo, đưa tình với nhau:

Ăn chơi cho hết tháng hai
Để làng gióng đám cho trai dọn đình.
Trong thời đánh trống rập rình
Ngoài thời trai gái tự tình với nhau.

Môi trường sống tự nhiên trong nếp sống nông nghiệp trồng lúa nước đã tạo cho nam nữ một không khí sinh hoạt bình đẳng về tình cảm. Trai cũng như gái đều có quyền tự do cởi mở tâm tình. Thấy một cô gái đang cắt cỏ, chàng trai mở lời đùa cợt mà không sợ ai cười chê mình làm mất lễ nghĩa thánh hiền theo giáo điều của Khổng Mạnh:

Cô kia cắt cỏ một mình,
Cho anh cắt với chung tình làm đôi.
Cô còn cắt nữa hay thôi,
Cho anh cắt với làm đôi vợ chồng.

Hoặc kín đáo, lịch sự hơn:

Cô kia đứng ở bên sông,
Muốn sang anh ngã cành hồng cho sang.

Hay táo bạo:

Gặp em anh nắm cổ tay
Nhờ vá cái áo, nhờ may cái quần.

Hay:

Gặp em anh nắm cổ tay,

Anh hỏi cầu nầy: "có lấy anh không"?

Cô gái quê cũng chẳng ngại ngùng vì chính lòng nàng cũng đang chan chứa tình cảm gái trai. Và đôi lúc cô thôn nữ cũng mượn miếng trầu trao duyên gởi chàng:

Trầu này tiêm tối hôm qua,
Dấu thầy, dấu mẹ đem ra mời chàng.
Trầu này không phải trầu hàng,
Không bùa, không thuốc, sao chàng không ăn.
Hay chàng chế khó, chê khăn,
Xin chàng đứng lại mà ăn miếng trầu.

Hoặc:

Hỡi anh đi đường cái quan
Dừng chân đứng lại, em than đôi lời.
Đi đâu vội mấy ai ơi,
Việc quan đã có chị tôi ở nhà.

Hay

Anh đã có vợ hay chưa?
Mà anh ăn nói đong đưa ngọt ngào.
Mẹ già anh ở nơi nao,
Để em tìm vào hầu hạ thay anh.

Các cô thôn nữ cởi mở, tự do, mạnh dạn nói lên con tim đang rạo rực, khi xuân tình chớm nở:

Đêm qua trời sáng trăng rằm
Anh đi qua cửa, em năm không yên.
Mê anh chẳng phải mê tiền,
Thấy anh lịch sự, có duyên, dịu dàng.
Thấy anh em những mơ màng,
Tưởng rằng đây, đấy phượng hoàng có đôi.
Thấy anh chưa kịp ngỏ lời,
Ai ngờ anh đã vội dời gót loan,
Thiếp tôi ngơ ngẩn canh tàn,
Chiêm bao như thấy có chàng ở bên.
Tỉnh ra, lẳng lặng hiển nhiên,
Tương tư bệnh phát liên miên cả ngày.
Ngỡ rằng duyên nợ đó, đây,
Xin chàng hãy lại chơi đây chút nào.

Ca dao đã dẫn chứng, theo truyền thống (nếp sống) dân tộc Việt Nam từ xưa, trai gái được tự do tìm hiểu nhau trước khi thành vợ chồng là thuận theo lẽ tự nhiên của trời đất:

Bên nam ngỏ lời:

Tình ta như lúa chín vàng
Hương nồng bay khắp xóm làng gần xa.
Một lời tuy chửa nói ra,
Nhìn nhau đã biết người ta hiểu rồi.
Vụ này gặt hái xong xuôi,
Mẹ cha sẽ đến ngỏ lời xin dâu.

Bên nữ đáp lại:

Tình ta như thể hương cau,
Gió bay trước ngõ vườn sau nhẹ nhàng.
Tuy chưa thề thốt đá vàng,
Trời cao đã biết, xóm làng cùng hay.
Một lời đã tỏ cùng đây,
Trăm năm ghi tạc từ nay vuông tròn.

Có thể nói, theo ngôn ngữ ngày nay, luyến ái quan của người nông dân Việt là *tự do luyến ái*, hướng đến xây dựng mái ấm gia đình.

Cho nên, bao nhiêu lễ giáo khô cứng thiếu tình người của Khổng Mạnh dù có đến được nông thôn cũng trở thành thứ yếu trước tình yêu đôi lứa:

Mình về, ta chẳng cho về,
Ta nắm vạt áo ta đề câu thơ.
Câu thơ ba chữ rành rành:
Chữ trung, chử hiếu, chữ tình là ba.
Chữ trung thì để phần cha,
Chữ hiếu phần mẹ, đôi ta chữ tình.

Ngày xưa, xả hội nông thôn trồng lúa nước, cha mẹ không mấy khi ép buộc con cái trong việc cưới hỏi:

Ép dầu ép mỡ, ai nỡ ép duyên.

Nếu có trường hợp bị cha mẹ ép duyên thì trai gái nông thôn nghe theo tiếng gọi của tình yêu:

Tiếc răng, tiếc rứa, tiếc ri,
Liều mình bỏ xứ mà đi cho rồi
Liều mình, giả như đứa đứt tao nôi
Giả như cha với mẹ không sinh ra đôi đứa mình

Tục "cấm ép duyên" vốn đã được phổ biến từ xưa trong dân gian được ghi trong bộ luật Hồng Đức (1483) đời vua Lê Thánh Tông: *con gái hứa gả chồng mà chưa thành hôn, nếu người con trai bị ác tật, phạm hình án, hoặc phá tán gia sản, thì cho phép con gái được kêu quan mà trả đồ lễ…Trái luật thì bị phạt 80 trượng* (Luật Hồng Đức, Chương Hộ Hôn, điều 39).

Đến cuối thế kỷ thứ 17, năm Ất Hợi (1695), Thích Đại Sáng ở Quảng Đông, được chúa Nguyễn Phúc Chu rước sang nước ta để giảng kinh. Vị cao tăng Trung Hoa nay rất ngạc nhiên nhận thấy nước Việt Nam, sau bao nhiêu thế kỷ Bắc thuộc chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa rất lâu, nhưng phụ nữ nông thôn ta vẫn chưa chịu khép mình vào lễ giáo Khổng Mạnh, mà công khai tự do đi sớm về khuya một mình, trọn quyền giao dịch, mua bán…Thật trái hẳn với phụ nữ Hoa lúc đó, không bao giờ được phép ra khỏi nhà; nếu cần đi giao dịch, mua bán, thăm viếng họ hàng cũng phải có người theo gót trông chừng, canh giữ (Võ Thu Tịnh, Tình Tự Dân Tộc, NXB Xuân Thu, năm 1999, trang 22 - 23).

Ai cũng biết tình yêu bắt nguồn từ bản năng thiên nhiên, cho nên quan niệm cho rằng về phương diện luyến ái cần phải bỏ mọi kiềm hãm của con người, đưa tình yêu trai gái trở về gần với thiên nhiên. Nhưng loài người khác loài vật ở chỗ con người sống có tổ chức xã hội. Dù muốn dù không, loài người không thể chỉ làm những gì mà bản năng ưa thích, bất chấp mọi liên hệ xã hội.

Mặt khác, cũng không thể tìm mọi cách khai thác những dục vọng tình ái, tìm kiếm cái đẹp vật chất trên cơ thể con người, để rồi rơi vào con đường trụy lạc, dù không chủ trương phá rối trật tự xã hội.

Nhưng cũng không thể qui định tình yêu vào khuôn mẫu nhất định nào đó với định kiến cho là tốt đẹp, cao cả như nam nữ thụ thụ bất thân, để chối bỏ mọi đòi hỏi cần thiết của bản năng thiên nhiên. Trên thực tế, đàn áp bản năng tự nhiên khiến bản năng phản ứng mà trong nhiều trường hợp ý chí không sao kiềm hãm được làm cho đạo lý trở thành giả dối, chỉ tốt đẹp ở bên ngoài trên đầu môi chót lưỡi.

Như trên đã trình bày, người nông dân Việt sống trong hoàn cảnh thuận lợi của thiên nhiên và môi trường sống nông nghiệp trồng lúa nước đã tạo cơ hội cho quan niệm tự do luyến ái thể hiện trong nếp sống. Sự gần giũ giữa trai gái khiến họ có dịp trao đổi tâm tư tình cảm, tự do chọn lựa người yêu để làm người bạn đời và họ còn có thể gởi gắm tâm tư mình với người yêu trước khi thành vợ chồng; nhưng họ không rơi vào hướng lệt lạc, "tự do", "bạo

dạn" quá đáng đến độ trân tráo mà được quân bình để gìn giữ tính nết na thẹn thùng đúng lúc đúng chỗ.

Sáng nay em đi hái dâu,
Gặp hai anh ấy ngồi câu thạch bàn.
Hai anh đứng dậy hỏi han,
Miệng nói tay cởi tuí trầu mời ăn.
Thưa rằng: Bác mẹ em răn,
Làm thân con gái chớ ăn trầu người.

Một nghệ thuật chối từ khéo léo tuyệt vời (cha khôn mẹ khéo) của cô thôn nữ Việt Nam: vừa bạo dạn, vừa e thẹn, đúng lúc đúng chỗ. **Nếp sống rất người của người con gái Việt được giáo dục qua quá trình học ăn, học nói, học gói, học mở của *nền giáo dục nhân bản tâm linh* mà trường học là gia đình và môi trường sinh hoạt xã hội nông nghiệp trồng lúa nước, với phương tiện ca dao tục ngữ, tiếng nói tâm thức của dân tộc bắt nguồn từ Thiên Thư Vô Ngôn Của Trời Đất (Thiên nhiên).**

Như trên đã trình bày, luyến ái quan của người nông dân Việt là "tư do luyến ái". Môi trường sinh hoạt trồng lúa nước đã tạo điều kiện thuận lợi cho trai gái Việt phô diễn, trao đổi tâm tư tình cảm trong lúc làm việc trên đồng ruộng, trong vườn cây…trong những buổi hội hè đình đám qua tiếng hát, lời ca, điệu hò, và còn gởi gắm cho nhau những nỗi lòng thầm kín trước khi lập gia đình.

Chính trong môi trường sinh hoạt hồn nhiên trong lao động cũng như trong giải trí trai gái tìm hiểu nhau…rồi cảm nhau bằng tình yêu chân thật, đồng thuận, trở thành người bạn đời.

Trai gái tự do, cởi mở tâm tình tự nhiên, thường xuyên gần gũi, thân mật *nhưng không rơi vào con đường trụy lạc*, *chỉ biết hưởng thụ lạc thú cá nhân*, sống thỏa thích theo dục vọng của bản năng vì họ được thừa hưởng sự giáo dục nhân bản tâm linh từ trong bào thai người mẹ và qua quá trình học ăn, học nói, học gói, học mở từ lúc sơ sinh cho đến già chết. Họ biết đặt tình yêu trong "đạo nghĩa thiêng liêng", tức sống thuận lý theo sự hài hòa giữa thiên nhiên và môi trường sinh hoạt xã hội.

Yêu thương nhau, đồng thuận mà trở thành vợ chồng thể hiện thiên chức làm chồng, làm vợ, làm cha, làm mẹ, tự nhiên nhi nhiên, như cây hồng trổ hoa, như dây bầu dây bí đơm hoa, kết nụ, thành trái, v.v…

Nếp sống nông nghiệp trồng lúa nước là nguồn cảm hứng đã giúp cho người nông dân Việt *thường xuyên mở lòng cảm nhận* những bài học từ thiên nhiên (Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất) mà hiểu nghiệm được cái đạo nghĩa tự nhiên thiêng liêng đó và vận dụng thực hiện ngay trên đời sống với sự hài hòa trên nền tảng của tình thương và trí tuệ.

Một hiện tượng sống hết sức phổ biến trong thiên nhiên mà người nông dân Việt đã quán chiếu được: đó là *mọi sự vật trên đời hầu hết kết hợp thành từng cặp bổ túc và bổ nghĩa cho nhau* qua sự tương phản và nếu được kết hợp, chúng sẽ chuyển hóa thành *một thể tổng hợp mới* hài hòa trọn vẹn, như lòng và lưng một bàn tay kết hợp thành một bàn tay trọn vẹn, sáng tối, nam nữ…*Người nam sẽ chưa thành nhân, nếu chưa kết hôn với người nữ để cùng nhau xây dựng một mái ấm gia đình,* sinh con đẻ cái. Qua sự quán chiếu đó, nông dân Việt rút ra được quy luật: muốn đạt được sự hài hòa phải *kết hợp* (thống nhất) các mâu thuẫn, dị biệt và *đối lập là bổ sung* (3).

Hôn nhân là *ứng dụng những bài học tự nhiên từ thiên nhiên vào đới sống bằng sự cảm nhận và hiểu biết để sống*, nên trong hôn nhân hiểu nhau để gắn bó là điều chủ yếu. Trai gái Việt yêu nhau thường xem đối tượng của mình là *"người bạn đời"* là vì vậy.

Mặt khác, nếp sống tự do luyến ái lành mạnh trong sáng được ông bà ta huyền thoại hóa qua mối tình giữa công chúa Tiên Dung và Chử Đồng Tử, nghèo khó đến cái khố che thân cũng không có.

Chàng và nàng gặp nhau bên bờ sông, *cảm nhau, ưng ý rồi lấy nhau*. Họ không bị bất cứ một hình thức vật chất hay tinh thần nào bên ngoài ràng buộc. Họ không bị một khuôn mẫu đạo đức, một thứ chuẩn mực hay quy tắc, bị điều kiện hóa bởi nền văn hóa mà họ đang sống hoặc những giáo điều tôn giáo chi phối, trói buộc.

"Khi quây màn để tắm, nước làm trôi cát khiến Tiên Dung phát giác ra Chử Đồng Tử, và nước cũng làm trôi sạch phấn son vương giả trên gương mặt nàng. Ở giây phút chỉ có hai người trong màn tắm, cách biệt hẳn với mọi người chung quanh, với giàu sang quyền tước, hai người không bị phân cách bởi ngoại vật, bởi áo quần, bởi cát bùn hay son phấn, không bị bất cứ thứ gì làm sai lệch hình ảnh chính mình hay của người kia (Nam Thiên , Kinh Việt, NXB Hoa Tiên Rồng, Australia, 1993, trang 37).

Khác nhau tấm áo manh quần
Thả ra bóc trần ai cũng như ai

Tình yêu trong họ phát sinh một cách hồn nhiên trong sáng, tự do và bình đẳng. Đó cũng là hình ảnh biểu tượng cho quan niệm bình đẳng tột cùng trong dòng văn hóa Việt.

Thật tự do! Hoàn toàn tự do! Điều này phản ảnh *tính chất nhân bản* trong nền minh triết Việt, không có lăng kính phân biệt trong tư tưởng, tình cảm, không có hố sâu *giai cấp* (như Trung Quốc, Tây phương) và đẳng cấp (như Ấn Độ, Nhật Bản) ngăn cách.

Họ không phân biệt giàu nghèo, sang hèn mà chỉ *lấy nhau vì tình yêu chân thật* hồn nhiên trong sáng. Phải chăng có thể nói Tiên Dung và Chử Đồng Tử là nhân vật hư cấu, mối tình

hồn nhiên tươi đẹp giữa Tiên Dung và Chử Đồng Tử là huyền thoại, nhưng tự do luyến ái, xây dựng gia đình, hôn nhân bình đẳng, gia đình phân công trong nếp sống của nông dân Việt lại là hiện thực.

Tóm lại, ở nông thôn, trai gái thường có dịp gặp nhau, cởi mở, mạnh dạn nói lên tiếng nói của con tim, tự do trao đổi tâm tư tình cảm, hò hát…thử thách, chọn lựa, kết bạn, nhưng họ không lệch vào khuynh hướng lãng mạng, hưởng thụ, hiện sinh…mà luôn luôn hướng tới việc nên vợ nên chồng, xây dựng mái ấm gia đình.

Con cò lấp ló bụi tre
Sao còn lại muốn lăm le vợ người?
Vào đây ta hát đôi lời,
Để cho cò hiểu sự đời ở ăn.
Một đàn có trắng kia ơi!
Có nghe ta hát những lời này không?
Hát câu đẹp cốm tươi hồng,
Hát câu "nên vợ nên chống" cò ơi!

Hay

Đạo vợ chồng khó lắm anh ơi!
Không như ong bướm đậu rồi lại bay.

Chú tích:

1- Những ý tưởng sau đây phần lớn dựa vào những điều mà tác giả Nguyễn Tấn Long - Phan Canh ghi trong Thi Ca Bình Dân Việt Nam, cộng thêm những gợi ý của tác giả Thường Nhược Thủy trong Đạo Sống Việt; Trần Quốc Vượng trong Văn Hóa Việt Nam, Tìm Tòi Và Suy Ngẫm; Võ Thu Tịnh trong Tình Tự Dân Tộc; Duyên Hạc Lê Thái Ất trong Văn Hóa Việt Nam.

2- Trần Quốc Vượng, Văn Hóa Việt Nam, Tìm Tòi Và Suy Ngẫm, NXB Văn Hóa Dân Tộc, năm 2000, trang 35.

3- Thường Nhược Thủy, Đạo Sống Việt, NXB Tủ Sách Việt Thường, năm 2000, trang 37.

4- Nam Thiên, Kinh Việt NXB Hoa Tiên Rồng, Australia, 1993, trang 37.

Vĩnh Như
Tủ Sách Việt Thường
www.tusachvietthuong.org